

Số: 89 /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 17 tháng 7 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.
- Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

b) Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

c) Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại

không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Nam Định;

d) Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc áp dụng Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Ninh Bình (cũ) về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VP5,6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Thanh Sơn**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc  
hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài  
dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 89 /2026/QĐ-UBND)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây viết tắt là viện trợ) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này thực hiện theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh Ninh Bình thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại khoản 1 Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ và bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

#### Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

Các nguyên tắc quản lý và sử dụng viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

#### Điều 4. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ

1. Sử dụng viện trợ để phục vụ mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, trốn thuế, xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục và bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Sử dụng viện trợ để tìm kiếm lợi nhuận phân chia, tư lợi cá nhân, không vì mục đích nhân đạo, phát triển kinh tế xã hội, không vì lợi ích cộng đồng.

3. Các hành vi tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong sử dụng và quản lý vốn viện trợ; sử dụng vốn viện trợ sai mục đích và các hành vi phạm pháp luật khác.

## **Chương II**

### **THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ**

#### **Điều 5. Lập hồ sơ khoản viện trợ**

Bên tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ xây dựng hồ sơ dự án, phi dự án theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP. Kết cấu văn kiện dự án, phi dự án theo mẫu tại Phụ lục I, II, III kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

#### **Điều 6. Thẩm định khoản viện trợ**

1. Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định đối với khoản viện trợ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan liên quan như: Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh và các cơ quan chuyên ngành theo lĩnh vực của khoản viện trợ trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý nhà nước của địa phương hoặc trường hợp khoản viện trợ thực hiện tại nhiều địa phương hoặc chủ khoản viện trợ không đăng ký hoạt động tại địa bàn quản lý, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

3. Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, Sở Tài chính làm cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia ý kiến khi có yêu cầu.

#### **Điều 7. Phê duyệt khoản viện trợ**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khoản viện trợ trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Tài chính. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

#### **Điều 8. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các khoản viện trợ trong quá trình thực hiện**

1. Việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung khoản viện trợ trong quá trình thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Đối với nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ và chủ trì thẩm định các nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dẫn đến thay đổi các nội dung trong Quyết định phê duyệt khoản viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp các nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP thì Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các thủ tục gửi Bộ Tài chính thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

### **Chương III**

## **QUẢN LÝ THỰC HIỆN VIỆN TRỢ**

### **Điều 9. Tổ chức quản lý dự án, phi dự án**

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện dự án, năng lực tổ chức quản lý dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở quyết định phê duyệt khoản viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý dự án, phi dự án; thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ, vốn đối ứng của dự án, phi dự án theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp thành lập Ban Quản lý dự án đại diện cho chủ dự án, Ban Quản lý dự án thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

### **Điều 10. Chế độ báo cáo về kết quả vận động viện trợ, tình hình tiếp nhận, thực hiện, quản lý, sử dụng viện trợ**

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; Chủ khoản viện trợ báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 06 tháng (chậm nhất vào ngày 05 tháng 7) và hàng năm (chậm nhất vào ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo) gửi Sở Tài chính để tổng hợp. Thời điểm chốt số liệu là ngày 30 tháng 6 (đối với báo cáo 06 tháng) và 15 tháng 12 của năm báo cáo (đối với báo cáo hằng năm). Báo cáo kết thúc khoản viện trợ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh (chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện) và thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả vận động viện trợ, tình hình thực hiện, quản lý, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh định kỳ hằng năm để gửi Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm tiếp sau.

### **Điều 11. Quản lý tài chính khoản viện trợ**

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản cho dự án, phi dự án sử dụng vốn viện trợ: Chủ khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 22 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền.

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP;

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Việc hạch toán, kế toán, quyết toán đối với khoản viện trợ thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán và điều lệ tổ chức hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

#### 5. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện khoản viện trợ:

a) Thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP;

b) Đối với dự án, phi dự án được cấp phát toàn bộ từ ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ đề xuất Sở Tài chính; Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách và từ các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật và phân định rõ theo nguồn vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên tương ứng với nội dung chi tiêu của dự án, phi dự án; bảo đảm bố trí vốn đối ứng đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ quy định trong Văn kiện dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Đối với dự án, phi dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách nhà nước có thời điểm phê duyệt không trùng với kỳ lập dự toán ngân sách hàng năm, chưa được bố trí vốn đối ứng: Chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị Sở Tài chính đề xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào dự toán ngân sách hàng năm. Trường hợp thời điểm lập kế hoạch vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện dự án, phi dự án không trùng với kỳ lập kế hoạch ngân sách hàng năm, chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị Sở Tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào kế hoạch vốn hàng năm hoặc tạm ứng vốn và sau đó khấu trừ vào kế hoạch năm tiếp theo.

#### 6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ

a) Đối với khoản viện trợ mà bên tiếp nhận là cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động thì lập kế hoạch vốn chuẩn bị khoản viện trợ, gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp bên tiếp nhận không phải cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động thì tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ;

b) Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (địa phương), chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ;

c) Trường hợp Bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị dự án, chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

7. Việc tiếp nhận viện trợ bằng hàng hoá được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Trách nhiệm quản lý viện trợ**

1. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thu hút, vận động viện trợ;

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các khoản viện trợ theo thẩm quyền; đề xuất giao cơ quan chuyên ngành chủ trì tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan Trung ương theo quy định;

d) Đối với trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ;

đ) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối quản lý các dự án phi chính phủ nước ngoài, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định văn kiện dự án, phi dự án trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan Trung ương theo yêu cầu;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ không hoàn lại đã cam kết với bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, phê duyệt, triển khai thực hiện theo thẩm quyền đối với các cơ quan, đơn vị tiếp nhận viện trợ theo quy định. Xử lý các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền;

đ) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ; Thực hiện chế độ báo cáo kết quả vận động viện trợ, tình hình thực hiện, quản lý, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh định kỳ hằng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này;

e) Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Công an tỉnh là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, quản lý những hoạt động liên quan đến công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội trong quan hệ giữa các cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ trong tỉnh với các tổ chức phi chính phủ, bên viện trợ nước ngoài có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài về mặt an ninh - chính trị trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Phối hợp kiểm tra việc tiếp nhận, sử dụng và quản lý viện trợ của các cơ quan, tổ chức trong tỉnh khi có quyết định phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

c) Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định trong tiếp xúc, làm việc của các đơn vị với các tổ chức phi chính phủ và cá nhân nước ngoài;

d) Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ;

đ) Tiến hành rà soát, xác minh, xét duyệt nhân sự đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia thực hiện, quản lý, giám sát dự án viện trợ, quản lý hoạt động xuất nhập cảnh, cư trú và các hoạt động khác của tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng khuôn khổ dự án.

4. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động của các cá nhân, tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham gia thẩm định các khoản viện trợ, đánh giá các yếu tố về đối ngoại, quan hệ với đối tác nước ngoài và sự phù hợp với định hướng hợp tác quốc tế của tỉnh;

b) Phối hợp các cơ quan có liên quan giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ và thực hiện đúng hoạt động đã đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy đăng ký và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài làm cơ sở cho việc tiến hành vận động và thẩm định viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định;

d) Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài về thủ tục và trong việc khảo sát, xây dựng và triển khai các khoản viện trợ theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với Công an tỉnh quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ và cá nhân nước ngoài tại địa bàn tỉnh khi triển khai thực hiện dự án để đảm bảo an ninh đối ngoại;



e) Triển khai và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương trong xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác và vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương.

5. Các sở, ban, ngành, đoàn thể trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan khác có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định và góp ý kiến các khoản viện trợ theo chức năng, nhiệm vụ;

b) Thực hiện hoặc hướng dẫn, đôn đốc đơn vị trực thuộc thực hiện việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đúng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đúng quy định của pháp luật;

c) Thực hiện chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này;

d) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức thành viên thực hiện việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đúng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đúng quy định của pháp luật; báo cáo tình hình tiếp nhận, thực hiện, giải ngân khoản viện trợ định kỳ và đột xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ và trình thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ trong trường hợp là Chủ khoản viện trợ theo quy định tại Quy chế này;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thuộc quyền quản lý thực hiện tiếp nhận và sử dụng viện trợ đúng quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật liên quan;

c) Phối hợp với cơ quan liên quan tạo điều kiện cho Bên cung cấp viện trợ, Bên tiếp nhận viện trợ khảo sát, lập kế hoạch, thực hiện các khoản viện trợ triển khai trên địa bàn;

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Công an tỉnh khi phát hiện những dấu hiệu, hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng viện trợ;

đ) Giao Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân các xã, phường cân đối, bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện các dự án, phi dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Các cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ có trách nhiệm tiếp nhận, sử dụng và quản lý nguồn vốn của bên tài trợ theo đúng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

**Điều 13. Khen thưởng, xử lý vi phạm**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc vận động, tiếp nhận, sử dụng và quản lý viện trợ được khen thưởng theo quy định của pháp luật;
2. Mọi hành vi vi phạm trong việc vận động, đàm phán, phê duyệt, ký kết, tiếp nhận, sử dụng và quản lý các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
3. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.
4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Quy chế này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.
5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.